

Số: 150 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 9 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Tổng kết thực thi Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015**

Thực hiện Công văn số 2619/LĐTBXH-ATLĐ ngày 10/8/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh báo cáo tổng kết thực thi Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ SỰ TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Trong thời gian qua, đặc biệt là từ khi Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 ban hành và có hiệu lực từ 01/7/2016, công tác an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) đã được các cấp, các ngành, địa phương, các doanh nghiệp và người lao động trên địa bàn tỉnh quan tâm triển khai thực hiện và có những chuyển biến tích cực; nhận thức về công tác ATVSLĐ được nâng lên; công tác quản lý nhà nước được tăng cường; tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp từng bước được kiểm soát; điều kiện làm việc không ngừng được cải thiện; bộ máy làm công tác ATVSLĐ ở cơ sở được củng cố; hệ thống quản lý ATVSLĐ tại các doanh nghiệp được triển khai theo quy định; chế độ chính sách và chăm sóc sức khỏe cho người lao động được quan tâm, tạo điều kiện để người lao động gắn bó với doanh nghiệp; qua đó đã giúp các doanh nghiệp ổn định, phát triển bền vững, góp phần vào quá trình phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

**II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

**1. Đánh giá những bất cập, hạn chế trong quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động liên quan đến các vấn đề sau:**

1.1. Quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động; vai trò, quyền, trách nhiệm của các tổ chức đại diện người sử dụng lao động, người lao động, cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức đại diện người sử dụng lao động, người lao động

- Luật ATVSLĐ quy định rất rõ quyền, nghĩa vụ về ATVSLĐ của người lao động và người sử dụng lao động. Theo đó, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh đã có ý thức, nghiêm túc triển khai thực hiện; nhận thức, ý thức của người sử dụng lao động, người lao động và toàn xã hội trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về ATVSLĐ từng

bước được nâng lên. Các sở, ban, ngành, địa phương đã phối hợp khá chặt chẽ, đồng bộ trong công tác tuyên truyền, huấn luyện, thanh tra, kiểm tra về ATVSLĐ và điều tra tai nạn lao động (TNLĐ). Việc xử lý chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp được thực hiện theo quy định Quyết định số 81/2017/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Công tác điều tra TNLĐ được các sở, ban ngành, địa phương liên quan phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong việc điều tra, xử lý các vụ TNLĐ chết người nên đã tạo điều kiện cho cơ sở xảy ra TNLĐ sớm ổn định sản xuất kinh doanh; thân nhân của người bị TNLĐ sớm được hưởng chế độ bảo hiểm TNLĐ theo quy định.

- Bên cạnh đó, các sở, ban ngành đã quan tâm triển khai công tác ATVSLĐ trong lĩnh vực được giao quản lý; phát huy vai trò tích cực trong công tác ATVSLĐ; tuyên truyền, vận động đoàn viên thực hiện tốt các quy định pháp luật về AT-VSLĐ; triển khai các hoạt động trong Tháng ATVSLĐ, Tháng công nhân, tổ chức thực hiện phong trào "Xanh - Sạch - Đẹp, bảo đảm ATVSLĐ" với nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả.

- Các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, các cơ sở sản xuất kinh doanh dưới 10 lao động phần lớn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ về ATVSLĐ, việc chấp hành các quy định pháp luật về ATVSLĐ còn hạn chế, chưa quan tâm và dành nguồn lực, kinh phí thỏa đáng cho công tác ATVSLĐ; còn nhiều doanh nghiệp sử dụng máy, thiết bị, công nghệ lạc hậu, không đảm bảo an toàn; tỷ lệ các đơn vị thực hiện đo, kiểm tra môi trường lao động định kỳ còn thấp hoặc một số nơi thực hiện mang tính hình thức, chưa chú trọng xây dựng môi trường văn hóa an toàn tại nơi làm việc. Mặc dù đã được tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện về ATVSLĐ, song việc chấp hành ý thức, kỷ luật lao động của một bộ phận người lao động còn hạn chế, hầu hết các vụ tai nạn lao động xảy ra đều do ý thức chủ quan, vi phạm nội quy, quy trình của người lao động. Ý thức, nhận thức về công tác ATVSLĐ đối với khu vực không có quan hệ lao động còn hạn chế.

- Công tác quản lý nhà nước về ATVSLĐ ở cấp huyện còn gặp nhiều khó khăn, bất cập.

### 1.2. Kiểm soát yếu tố nguy hiểm, có hại và đánh giá nguy cơ, rủi ro

- Các Nghị định, Thông tư liên quan hướng dẫn một số điều của Luật ATVSLĐ đã quy định rõ trách nhiệm của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải thực hiện việc kiểm soát yếu tố nguy hiểm, có hại, đánh giá, kiểm soát các nguy cơ rủi ro về ATVSLĐ tại nơi làm việc. Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, các nhóm lĩnh vực nguy cơ cao mất an toàn lao động như khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất sắt, thép, gang, phôi thép, sản xuất điện, đóng và sửa chữa tàu biển, chế biến, bảo quản thủy sản

và các sản phẩm từ thủy sản, sản xuất sản phẩm dệt, may, da, giày, thi công công trình xây dựng,...,quá trình tổ chức sản xuất có độ rủi ro lớn, nguy cơ gây tai nạn lao động, ảnh hưởng sức khỏe, an toàn của người lao động. Do đó các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh hàng năm đã lập kế hoạch, tổ chức đánh giá nguy cơ rủi ro về ATVSLĐ, thường xuyên quan tâm, triển khai thực hiện các biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động, phòng, chống yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động; trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động; chăm sóc sức khỏe người lao động; thông tin, tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện về ATVSLĐ được triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh phải thực hiện đánh giá, kiểm soát các nguy cơ rủi ro cho người lao động; tuy nhiên, tại một số doanh nghiệp nhỏ và vừa do hạn chế về nguồn lực, kinh phí nên chưa quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

1.3. Danh mục nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và các chế độ liên quan; việc tổ chức chế độ bồi dưỡng hiện vật và mối quan hệ với công tác đo kiểm môi trường lao động, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; việc tổ chức trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động

Tỉnh Quảng Ngãi có các ngành khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất sắt, thép, gang, phôi thép, sản xuất điện, đóng và sửa chữa tàu biển, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, sản xuất sản phẩm dệt, may, da, giày, thi công công trình xây dựng,...người lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, tiềm ẩn nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.

- Trong những năm gần đây, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động trong lĩnh vực có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp... đã quan tâm củng cố lại tổ chức bộ máy làm công tác ATVSLĐ; xây dựng nội quy, quy trình an toàn, vệ sinh lao động; lập các phương án, biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, khắc phục hậu quả khi xảy ra sự cố; thực hiện tốt các chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, bồi dưỡng bằng hiện vật; định kỳ hàng năm tổ chức quan trắc môi trường lao động, khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; thực hiện công tác huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. Quan tâm đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, cải thiện điều kiện làm việc và môi trường lao động cho người lao động làm việc ở môi trường nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm như: lắp đặt hệ thống thông gió, hút hơi khí độc, chống nóng, ồn; làm giảm nồng độ bụi, nồng độ hơi khí độc, tăng độ chiếu sáng, cải thiện vi khí hậu, giảm nhẹ lao động thể lực...

- Một số chính sách, chế độ về thời gian làm việc, làm thêm, về ATVSLĐ chưa có sự điều chỉnh linh hoạt, phù hợp hơn với điều kiện phát triển của kinh tế, xã hội như: phương pháp xác định đặc điểm điều kiện lao động đối với nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (NNĐHNH); quy định danh mục nghề NNĐHNH trong nhiều văn bản, gây khó khăn trong công tác tra cứu, thực thi.

#### 1.4. Quản lý máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động

- Luật An toàn vệ sinh lao động quy định về kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: Các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng và kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng bởi tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; quy định rõ trách nhiệm của các bộ trong việc quản lý nhà nước đối với máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật ATVSLĐ về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 ban hành danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; theo đó, các tổ chức, cá nhân sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động có trách nhiệm lựa chọn tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động để kiểm định lần đầu trước khi đưa vào sử dụng hoặc kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; chỉ được đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được kiểm định đạt yêu cầu.

- Công tác quản lý, sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã dần đi vào nề nếp, trung bình hàng năm trên địa bàn tỉnh có khoảng 150 máy, thiết bị, vật tư được kiểm định kỹ thuật an toàn. Đồng thời, thực hiện tốt các quy định pháp luật về quản lý chất lượng các hàng hóa phải kiểm tra chất lượng trong sản xuất, khi nhập khẩu và trong sử dụng. Việc kiểm tra chất lượng các sản phẩm, hàng hóa thời gian qua đã góp phần kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu và ngăn ngừa có hiệu quả các sản phẩm, hàng hóa không đạt chất lượng thâm nhập vào thị trường Việt Nam.

- Chưa ban hành đầy đủ danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc trách nhiệm quản lý của các bộ, ngành theo quy định.

- Còn phức tạp trong công tác quản lý hoạt động kiểm định dẫn đến 1 đối tượng thiết bị, 1 kiểm định viên làm kiểm định có thể phải xin nhiều giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định từ nhiều bộ quản lý.

- Chưa quy định về trách nhiệm của các tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động khi thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Còn nhiều tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động chưa được ban hành, chưa được bổ sung cho phù hợp với xu thế hội nhập, sự phát triển của khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật.

1.5. Quản lý, chăm sóc sức khỏe người lao động, giám định suy giảm khả năng lao động: Khám sức khỏe; tiêu chuẩn sức khỏe quy định cho nghề, công việc; hồ sơ khám sức khỏe, khám bệnh nghề nghiệp; điều dưỡng phục hồi sức khỏe; giám định tỷ lệ thương tật; hồ sơ vệ sinh lao động; đo kiểm, quan trắc môi trường lao động; điều tra và điều tra lại bệnh nghề nghiệp.

- Quản lý và chăm sóc sức khỏe người lao động (khám sức khỏe tuyển dụng, khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp (BNN), chế độ nghỉ dưỡng, phục hồi chức năng lao động...): thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động. Cơ bản các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài đã bố trí cán bộ làm công tác y tế, thành lập Trạm y tế; những đơn vị quy mô nhỏ, hoạt động phân tán thì hợp đồng với cơ sở y tế địa phương để quản lý vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động, thường trực cấp cứu. Công tác quản lý, phòng chống BNN luôn được tính quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe, khám và giám định BNN cơ bản đã được đầu tư. Các trang thiết bị phục vụ quan trắc, lấy mẫu, đo kiểm tra môi trường lao động được đầu tư đầy đủ, đáp ứng yêu cầu quản lý, giám sát môi trường lao động, đảm bảo công tác vệ sinh lao động, phòng chống BNN.

- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, quy mô sử dụng lao động dưới 50 người gặp khó khăn trong việc bố trí người làm công tác y tế, do không đủ nguồn nhân lực dẫn đến việc bố trí cán bộ làm y tế không đảm bảo chuyên môn, chỉ kiêm nhiệm, cũng không có hợp đồng với cơ sở y tế địa phương, dẫn đến người lao động chưa được kiểm tra phát hiện bệnh nghề nghiệp kịp thời để có biện pháp phòng ngừa.

1.6. Trách nhiệm của người sử dụng lao động khi người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ bồi thường, trợ cấp từ người sử dụng lao động

- Trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được quy định tại Điều 38, Điều 39 và Điều 40 Luật An toàn, vệ sinh lao động; Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày

28/7/2020 của Chính phủ và Thông tư số 04/2015/TT-BLĐTBXH ngày 02/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đối với người lao động do bị bệnh lý chết trong khi làm việc được xem là tai nạn lao động. Tuy nhiên việc giải quyết chế độ trợ cấp, bồi thường chưa được quy định cụ thể trong trường hợp người sử dụng lao động đã thực đầy đủ trách nhiệm các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động như khám sức khỏe khi tuyển dụng và khám sức khỏe định kỳ đầy đủ và hồ sơ sức khỏe của người lao động không có bệnh nền, huấn luyện về ATVLĐ, ...

- Đối với tai nạn giao thông trên tuyến đường từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại hoặc trên đường đi làm nhiệm vụ: Việc quy định về thẩm quyền điều tra của Đoàn điều tra tai nạn lao động các cấp để giải quyết chế độ tai nạn lao động cho nạn nhân, thân nhân người lao động bị tai nạn quá phức tạp và chồng chéo, cụ thể: Đối với người ngồi trên xe vận tải thì thẩm quyền điều tra kết luận của Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh; còn đối với người điều khiển phương tiện vận tải là do Bộ Giao thông vận tải điều tra kết luận. Điều này gây khó khăn, bất cập cho đơn vị để xảy ra tai nạn lao động và giải quyết các chế độ chính tai nạn lao động cho nạn nhân và thân nhân của người bị nạn.

- Chưa có sự thống nhất về mẫu xác nhận bị tai nạn của cơ quan Công an xã, phường, thị trấn nơi xảy ra tai nạn theo đề nghị của người lao động hoặc thân nhân của người lao động để làm cơ sở xem xét giải quyết cho Đoàn điều tra tai nạn lao động các cấp đối với trường hợp tai nạn trên đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc theo quy định tại khoản 5, Điều 35 Luật An toàn, vệ sinh lao động; kể cả văn bản xác nhận bị tai nạn của chính quyền địa phương nơi xảy ra tai nạn theo quy định tại khoản 3, Điều 23 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ.

- Chưa có quy định hồ sơ thủ tục đối với trường hợp người lao động bị tai nạn lao động sau đó nghỉ việc nhưng chưa được giải quyết chế độ tai nạn lao động.

- Chưa có quy định về thời gian chủ sử dụng lao động phải hoàn tất các hồ sơ thủ tục cho người lao động bị tai nạn lao động kể từ khi người lao động bị tai nạn lao động điều trị thương tật, bệnh tật ổn định đến khi chủ sử dụng lao động nộp hồ sơ cho cơ quan Bảo hiểm xã hội, dẫn đến một thực trạng khá phổ biến là chủ sử dụng lao động nộp hồ sơ chậm, có trường hợp kéo dài gần 10 năm, gây khó khăn cho việc thẩm định hồ sơ.

### 1.7. Chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Người lao động bị TNLD, BNN sau khi giám định được người sử dụng lao động thực hiện việc bồi thường, trợ cấp theo quy định. Ngoài ra, người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được hưởng chế độ do Quỹ bảo

hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp chi trả theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động và Luật Bảo hiểm xã hội.

- Hiện nay chưa có quy định chi tiết về hỗ trợ đóng bảo hiểm TNLĐ theo hình thức tự nguyện cho NLD làm việc không theo hợp đồng lao động, do đó nếu xảy ra TNLĐ thì người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động chưa có nguồn hỗ trợ. Đây chính là lý do khiến việc tuân thủ chính sách về an toàn, vệ sinh lao động khu vực này khá thấp dù TNLĐ xảy ra nhiều nhất.

- Theo quy định tại Điều 50 Luật An toàn, vệ sinh lao động quy định: “*Thời điểm hưởng trợ cấp quy định tại các điều 48, 49 và 52 của Luật này được tính từ tháng người lao động điều trị ổn định xong, ra viện hoặc từ tháng có kết luận của Hội đồng giám định y khoa trong trường hợp không điều trị nội trú*”. Như vậy, việc xác định thương tật, bệnh tật đã được điều trị ổn định dựa trên tiêu chí nào để xem xét giải quyết đảm bảo quyền lợi cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

#### 1.8. An toàn, vệ sinh lao động đặc thù

- Đối với lao động đặc thù (lao động nữ, lao động là người khuyết tật, lao động là người cao tuổi, lao động chưa thành niên...) được các doanh nghiệp sắp xếp, bố trí công việc phù hợp trên cơ sở kết quả khám sức khỏe định kỳ; không bố trí lao động đặc thù làm các công việc mà pháp luật lao động cấm. Chế độ, chính sách đối với lao động nữ, lao động là người khuyết tật (khám chuyên khoa, giảm giờ làm, bố trí lịch làm việc hợp lý...) được các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh quan tâm thực hiện. Qua hoạt động thanh tra, kiểm tra hàng năm, chưa phát hiện có hiện tượng phân biệt đối xử về giới. Việc thực hiện giảm giờ làm việc trong ca đối với người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc.

- Chưa có sự phối hợp trong quản lý, thông tin và huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động để đảm bảo mọi người lao động đều nắm rõ các yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc để phòng tránh hiệu quả.

- Một số trường hợp người lao động cao tuổi làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm có ảnh hưởng xấu tới sức khoẻ người lao động cao tuổi, nhưng các điều kiện để sử dụng đối tượng này chưa được quy định cụ thể.

#### 1.9. An toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

- Việc tổ chức bộ máy, bố trí nhân lực làm công tác an toàn, vệ sinh lao động được các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nghiêm túc thực hiện. Tùy theo quy mô, tính chất lao động, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đã bố trí cán bộ phụ trách công tác AT-VSLĐ hoặc thành lập Hội đồng ATVSLĐ cấp cơ sở; bố trí người làm công tác y tế hoặc tổ chức bộ phận y tế, bố trí người

làm công tác an toàn vệ sinh viên...Qua thanh tra, kiểm tra cho thấy, đối với các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH, Công ty CP và doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn, việc bố trí đội ngũ người làm công tác ATVSLĐ được thực hiện tương đối nghiêm túc, cơ bản đảm bảo các quy định: 95% doanh nghiệp có cán bộ chuyên trách an toàn, vệ sinh lao động và tự tổ chức kiểm tra an toàn; 100% doanh nghiệp thành lập Hội đồng An toàn vệ sinh lao động và mạng lưới an toàn, vệ sinh viên ở các tổ sản xuất; 100% cơ sở thực hiện chế độ huấn luyện và có hoạt động tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động. Các hình thức xử lý kỷ luật lao động được pháp luật đặt ra tương đối chặt chẽ, rõ ràng đặc biệt là xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải. Đội ngũ nhân lực có kiến thức, chuyên môn, kinh nghiệm làm công tác an toàn, vệ sinh lao động đã được chú trọng và đang triển khai tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Đối với các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, các cơ sở sản xuất kinh doanh dưới 10 lao động phần lớn không bố trí hoặc bố trí người làm công tác ATVSLĐ kiêm nhiệm, chưa đảm bảo các quy định, còn mang tính hình thức. Do đó, việc thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động và các quy chuẩn, tiêu chuẩn lao động, thời gian lao động còn nhiều vi phạm như chưa thực hiện khám sức khỏe định kỳ, chưa huấn luyện ATVSLĐ, chưa xây dựng nội quy lao động...

#### 1.10. Các hoạt động thanh tra về an toàn, vệ sinh lao động

- Công tác về ATVSLĐ trên địa bàn tỉnh được quan tâm chỉ đạo sát sao đặc biệt là công tác thanh tra, kiểm tra về ATVSLĐ; các sở, ban ngành tỉnh đã phối hợp, tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra theo hướng liên ngành, liên cơ quan nhằm nâng cao hiệu quả, tránh chồng chéo, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; tăng cường văn bản chỉ đạo đề cao ý thức tự kiểm tra một cách thường xuyên của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để chủ động phát hiện các sai phạm, các nguy cơ mất an toàn từ đó có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời. Công tác thanh tra, kiểm tra tập trung vào các doanh nghiệp, cơ sở có nguy cơ cao về mất ATVSLĐ; kiên quyết đình chỉ, tạm dừng sản xuất đối với các vị trí không đảm bảo điều kiện an toàn. Qua thanh tra, kiểm tra đã góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật lao động của người sử dụng lao động và người lao động, phát hiện, xử lý những vi phạm, đảm bảo việc chấp hành các quy định về an toàn, vệ sinh lao động.

- Số lượng thanh tra viên lao động ít, hầu như mới chỉ tập trung ở cấp Sở trong khi tại cấp huyện chưa được bố trí tăng cường. Năng lực thanh tra viên có chuyên môn, kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động chiếm tỷ lệ thấp, trong khi đó, thanh tra an toàn, vệ sinh lao động phải là nội dung chủ yếu trong công tác thanh tra lao động.

#### 1.11. Các hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục

- Trong thời gian qua, công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động đã được xác định là giải pháp chủ yếu, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động. Chương trình Quốc gia về ATVSLĐ giai đoạn 2016 - 2020 đều có nội dung và nhiều hoạt động tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục, pháp luật lao động, ATVSLĐ đã được các sở ngành, địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan thông tin tuyên thông triển khai thực hiện với nhiều hình thức tuyên truyền phong phú đa dạng và hướng tới đối tượng trong quan hệ lao động như: thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức tập huấn, hướng dẫn, tư vấn pháp luật, cấp, phát sổ tay an toàn cho công nhân, in ấn cấp phát tờ rơi, áp phích về pháp luật an toàn, vệ sinh lao động, chính sách chế độ bảo hiểm TNLĐ, BNN.... Việc tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trong việc thực thi pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động là một biện pháp cơ bản, hữu hiệu nhất để mọi người cùng chủ động phòng ngừa tai nạn lao động. Cao điểm trong hoạt động tuyên truyền là việc tổ chức tốt các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động về ATVSLĐ hàng năm; tổ chức các hoạt động: ra quân, ký kết giao ước thi đua về an toàn, vệ sinh lao động; hội nghị, hội thảo, hội thi, thao diễn, diễn tập kỹ thuật an toàn, phòng chống cháy nổ, cấp cứu người bị nạn; thăm hỏi gia đình nạn nhân bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Một số bộ phận người lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa hiểu biết về các quy định của pháp luật an toàn, vệ sinh lao động, chưa nắm rõ được quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình. Đại bộ phận người lao động trong khu vực không có quan hệ lao động chưa hiểu biết về các quy định về an toàn, vệ sinh lao động.

- Nguồn kinh phí dành cho công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật an toàn, vệ sinh lao động cũng còn hạn chế.

## **2. Đánh giá về mối quan hệ chồng chéo, mâu thuẫn, trùng lặp giữa quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động với quy định của các luật, pháp lệnh, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan**

2.1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động hiện nay không chỉ được quy định trong Luật ATVSLĐ mà còn được quy định rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác như: Luật khai thác khoáng sản; Luật bảo vệ môi trường; Luật xây dựng, Luật hóa chất, Luật điện lực... Hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn do nhiều Bộ ngành (Lao động - Thương binh và Xã hội, Công thương, Xây dựng, Y tế, Tài nguyên Môi trường, Giao thông vận tải, Quốc phòng...) ban hành dẫn đến bất cập, phân tán, tạo ra hệ thống phức tạp, chồng chéo, gây khó khăn cho quá trình áp dụng, ví dụ như: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 Quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công

tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất kinh doanh; Bộ Công thương ban hành Thông tư số 43/2010/TT-BCT ngày 29/12/2010 Quy định công tác quản lý an toàn trong ngành Công thương. Như vậy, theo hai thông tư này thì các doanh nghiệp thuộc ngành Công thương phải thực hiện cả hai thông tư trên, nhiều nội dung chồng chéo, trùng lặp rất khó thực hiện.

2.2. Luật ATVSLĐ quy định thẩm quyền điều tra TNLĐ làm 01 người bị thương nặng thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động. Tại điều 295 Bộ luật hình sự 2015 quy định xử lý hành vi “*Người nào vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở những nơi đông người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên*”. Như vậy, theo quy định của Luật ATVSLĐ thì khi xảy ra TNLĐ nặng 01 người thì thẩm quyền điều tra thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động, không phải khai báo với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và cơ quan Công an địa phương nên khó khăn trong việc tiến hành điều tra, xử lý vi phạm theo quy định của Bộ luật hình sự.

#### **IV. NHỮNG ĐỀ XUẤT CỤ THỂ NHẰM SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG NĂM 2015**

1. Tại điểm a khoản 2 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ATVSLĐ quy định “*Khi nhận được tin báo xảy ra tai nạn chết người hoặc làm hai người bị tai nạn nặng trở lên thuộc thẩm quyền điều tra, Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cử người đến hiện trường trong thời hạn 02 giờ*” là không rõ ràng, dễ gây hiểu lầm và cơ sở vật chất (phương tiện) để phục vụ Đoàn điều tra tai nạn lao động có mặt nơi xảy ra tai nạn trong vòng 02 giờ sau khi tai nạn xảy ra.

2. Luật ATVSLĐ và Nghị định số 39/2016/NĐ-CP Quy định việc khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo TNLĐ đối với lao động làm việc không theo hợp đồng lao động là không khả thi, khó thực hiện. Lý do: Theo các quy định của pháp luật hiện tại, chưa có chế độ chính sách đối với người lao động không hợp đồng lao động bị tai nạn lao động; khó khăn khi đưa ra các giải pháp phòng ngừa; lực lượng công chức thanh tra mỏng, ít người; khi xảy ra TNLĐ, Đoàn Điều tra TNLĐ cấp tỉnh khó khăn trong việc tiếp cận hiện trường, phối hợp điều tra, đặc biệt đối với vụ TNLĐ xảy ra đối với người lao động làm việc trên sông nước, vùng sâu, vùng xa...

3. Phối hợp các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ, trong đó đề nghị Bộ Giao thông vận tải có hướng dẫn, phân cấp thẩm quyền điều tra tai nạn lao động cho Sở Giao thông vận tải để tiến hành điều

tra các vụ tai nạn lao động xảy ra trên các phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, để phối hợp với các cơ quan có liên quan địa phương tổ chức điều tra sớm các vụ tai nạn, thực hiện quyền lợi của người lao động hoặc thân nhân của người bị tai nạn được kịp thời và giảm các chi phí phục vụ hoạt động điều tra cho doanh nghiệp.

4. Quy định về điều tra TNLĐ trong trường hợp: *người lao động bị tai nạn khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở theo tuyến đường và thời gian hợp lý* gây rất nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc xác định, khai báo, điều tra, giải quyết chế độ; dễ dẫn tới tình trạng lạm dụng hoặc bỏ sót trong giải quyết chính sách. Vướng mắc trong quá trình lập hồ sơ giải quyết chế độ TNLĐ khi mà chưa có mẫu văn bản xác nhận của một trong 02 cơ quan công an xã, phường, thị trấn hoặc của chính quyền địa phương nơi xảy ra tai nạn theo quy định tại điều 23 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP.

5. Quy định rõ trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động do bị bệnh lý chết trong khi làm việc được xem là tai nạn lao động trong trường hợp người sử dụng lao động đã thực đầy đủ trách nhiệm các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động như khám sức khỏe khi tuyển dụng và khám sức khỏe định kỳ đầy đủ và hồ sơ sức khỏe của người lao động không có bệnh nền, huấn luyện về ATVLĐ, ...

6. Phối hợp các Bộ, ngành có liên quan ban hành VPQPPL để giải quyết một số nội dung như: Quy định rõ điều trị bệnh như thế nào là điều trị ổn định trong điều trị TNLĐ, BNN; bị TNLĐ do thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của người sử dụng lao động; thủ tục, hồ sơ đối với các trường hợp bị TNLĐ mà điều trị ngoại trú; quy định thủ tục, hồ sơ để tiến tới thực hiện thủ tục hành chính đối với việc điều chỉnh chức danh, công việc ghi trong sổ BHXH của người lao động, nhất là đối tượng làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; quy định hồ sơ thủ tục đối với trường hợp người lao động bị tai nạn lao động sau đó nghỉ việc nhưng chưa được giải quyết chế độ tai nạn lao động và quy định về thời gian chủ sử dụng lao động phải hoàn tất các hồ sơ thủ tục cho người lao động bị tai nạn lao động kể từ khi người lao động bị tai nạn lao động điều trị thương tật, bệnh tật ổn định đến khi chủ sử dụng lao động nộp hồ sơ cho cơ quan Bảo hiểm xã hội.

7. Phối hợp các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, sớm ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có sự thống nhất trong chỉ đạo điều hành giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chức năng phối hợp trong quản lý nhà nước về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, về cơ chế, thủ tục thẩm định cấp phép, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng

ký hoạt động lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được thuận lợi nhanh gọn, đỡ tốn thời gian và chi phí cho doanh nghiệp; quy định về trách nhiệm của các tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động khi thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

8. Đề nghị các Bộ, ngành trung ương quy định hướng dẫn phương pháp xác định đặc điểm điều kiện lao động đối với nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (NNĐHNH); hướng dẫn thống nhất chung thành một văn bản hợp nhất các danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; quy định chi tiết về hỗ trợ đóng bảo hiểm TNLĐ theo hình thức tự nguyện cho NLD làm việc không theo hợp đồng lao động, nhằm góp phần sự tuân thủ các quy định của pháp luật về ATVSLĐ đối với khu vực này; quy định, hướng dẫn cụ thể cơ chế phối hợp về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 91 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội./.

*Nơi nhận:*

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục An toàn lao động;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Liên minh hợp tác xã;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVXBTHM557

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Tuấn